

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST.
Ngày: 10 - 5 - 2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Văn Thành.

2. Ông Huỳnh Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số X, phố L, phường H, quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo Ủy quyền: Ông Trần Nguyễn Khoa Đ – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh S (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2021) (Vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S.

- Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm Thanh S, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng C trình bày:

Vào ngày 25/9/2014, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh S có cho bà Trần Thị D vay số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay: Xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Với lãi suất: 0,8%/tháng; lãi quá hạn: 1,04%/tháng. Thời hạn vay: 60 tháng. Kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/lần. Ngày trả nợ cuối cùng: 09/9/2019. Số dư nợ đến ngày 10/5/2022 là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Trong quá trình vay vốn thì bà D có trả lãi tính đến ngày 17/01/2021 là 5.197.658đ (Năm triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

- Vào ngày 19/10/2018, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh S có cho bà Trần Thị D vay số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Mục đích sử dụng tiền vay: Nuôi heo. Với lãi suất: 0,75%/tháng; lãi quá hạn: 0,975%/tháng. Thời hạn vay: 36 tháng. Kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần. Ngày trả nợ cuối cùng: 17/9/2021. Số dư nợ đến ngày 10/5/2021 là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng). Trong quá trình vay vốn thì bà D có trả lãi tính đến ngày 17/01/2021 là 1.607.425đ (Một triệu, sáu trăm lẻ bảy nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Theo thỏa thuận trả nợ thì bà D phải trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 17 và trả gốc theo phân kỳ 12 tháng một lần. Tuy nhiên đến nay bà D không thực hiện đúng theo hợp đồng. Đến ngày 10/5/2022, bà D còn nợ số tiền lãi tạm tính là 15.661.261đ (Mười lăm triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng). Tiền gốc hai chương trình: 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng).

Để đảm bảo nguồn vốn của Nhà nước, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S giải quyết buộc bà Trần Thị D trả số nợ gốc và lãi phát sinh tổng cộng là 72.661.261đ (Bảy mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng), cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng).
- Lãi (Tạm tính đến ngày 12/5/2022): 15.661.261đ (Mười lăm triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng). Lãi sẽ được cộng thêm từ ngày 11/5/2022 cho đến ngày trả tất nợ cho Ngân hàng.

Bà Trần Thị D, ông Lâm Thanh S không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 29/2021/TB-TLVA ngày 26 tháng 02 năm 2021 và số 81/2021/TB-TLVA ngày 31 tháng 5 năm 2021 tổng đạt hợp lệ cho bà Trần Thị D và ông Lâm Thanh S nhưng bà D và ông S không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ hai lần đối với bà D và ông S để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D và ông S đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt bà D và ông S, không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Ngân hàng C yêu cầu bà Trần Thị D và ông Lâm Thanh S thanh toán số tiền vốn và lãi còn nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Trong vụ án này, nguyên đơn **Ngân hàng C** khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị D và ông Lâm Thanh S thanh toán cho Ngân hàng 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 25/9/2014, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh S có cho bà Trần Thị D vay số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Vào ngày 19/10/2018, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh S có cho bà Trần Thị D vay số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng)

Xét về hai hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C huyện T, tỉnh S với bà Trần Thị D là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức nên Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C huyện T, tỉnh S với bà Trần Thị D là hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần Thị D đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng bà D vẫn không thực hiện việc trả nợ. Việc bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ không những vi phạm các điều khoản cam kết về nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng mà còn vi phạm quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà D thanh toán toàn bộ số dư nợ tạm tính đến ngày 10/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 72.661.261đ (Bảy mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng). Trong đó nợ gốc chưa thanh toán: 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng); Lãi chưa thanh toán: 15.661.261đ (Mười lăm triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng) là có căn cứ.

Do bị đơn bà Trần Thị D vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất giữa hai bên. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn cố tình vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo luật định và phía bị đơn không phản đối những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đưa ra do đó

nguyên đơn không phải chứng minh những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với ông Lâm Thanh S (chồng bà D) là người biết rõ việc vay nợ Ngân hàng. Việc vay nợ là hợp đồng giao dịch hợp pháp mục đích sử dụng tiền vay là chăn nuôi có thêm thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Theo Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng và vợ hoặc chồng phải có nghĩa vụ chung về tài sản. Như vậy mặc dù ông S không trực tiếp giao dịch nhưng ông S cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà D thanh toán nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 466; Điều 468 và khoản 2 Điều 318 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Lâm Thanh S và bà Trần Thị D có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng C tổng số tiền 72.661.261đ (Bảy mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng). Trong đó nợ gốc chưa thanh toán: 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng); Lãi chưa thanh toán: 15.661.261đ (Mười lăm triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng)(Tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 10/5/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (10/5/2022) ông Lâm Thanh S và bà Trần Thị D có nghĩa vụ liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/Về án phí:

- Ông Lâm Thanh S và bà Trần Thị D có nghĩa vụ liên đới nộp 3.633.000đ (Ba triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng